

Bài 72: Luyện tập chung (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức- kĩ năng

- Thực hiện phép nhân, chia trong phạm vi 100 000.
- Tính nhẩm các phép tính có liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn trong phạm vi 100 000.
- Tính được giá trị biểu thức trong phạm vi 100 000.
- Giải được bài toán thực tế liên quan đến các phép nhân, phép chia trong phạm vi 100 000.

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - kết nối (3-5') * Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phân khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của HS ở bài học trước * Cách tiến hành:	
- GV cho HS hát 1 bài để khởi động bài học. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS hát -HS nhắc lại đầu bài
2. Luyện tập (28-30') * Mục tiêu: Thực hiện phép nhân, chia trong phạm vi 100 000; tính nhẩm giá trị của biểu thức có phép nhân, chia, dấu ngoặc và liên quan đến các số tròn nghìn, tròn chục nghìn; tính giá trị của biểu thức có phép nhân, chia và không có dấu ngoặc; giải được bài toán thực tế liên quan tới phép nhân, chia. * Cách tiến hành:	
Bài 1. Tính nhẩm - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài - GV hướng dẫn HS làm bài . - G V gọi HS trả lời - GV nhận xét, tuyên dương. * Chốt cách nhân nhẩm, chia nhẩm số tròn nghìn	- HS đọc bài. - HS làm vào vở -HS đọc bài làm của mình. - HS khác nhận xét - HS lắng nghe.
Bài 2: Đ,S ? - GV gọi HS đọc yêu cầu của bài - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.	- HS đọc yêu cầu bài - HS làm việc theo nhóm

- Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.
 - GV Nhận xét, tuyên dương.
 * **Chốt các lưu ý khi nhân có nhớ, chia số có 5 chữ số cho số có 1 chữ số**
Bài 3: Đặt tính rồi tính:
 - GV nêu yêu cầu bài.
 - GV yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính.
 - Yêu cầu HS làm bài.
 - GV chữa bài. Nhận xét bài của HS
 * **Chốt cách đặt tính rồi tính**
Bài 4: : Nam có 2 tờ tiền loại 20000 đồng , số tiền đó vừa đủ để mua 8 cuốn vở . Hỏi mỗi cuốn vở giá bao nhiêu tiền?
 - Gọi 2 HS đọc đề bài toán.
 + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?
 + Muốn tìm giá tiền mỗi cuốn vở ta làm tính gì?
 Gọi HS đọc bài giải, Gọi HS khác nhận xét.
 GV kết luận.
 - GV Nhận xét, tuyên dương.
 - GV cho HS làm bài tập vào vở.
 - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.
 - GV nhận xét, tuyên dương.
 * **Chốt cách trình bày bài toán có lời văn**
Bài 5: Tính giá trị của biểu thức
 a) $36459 : 9 \times 3$ b) $14105 \times 6 : 5$
 - GV gọi HS nêu yêu cầu bài
 - HS đọc ý a
 GV nêu câu hỏi gợi mở để HS nhớ lại các bước làm bài tính giá trị biểu thức . GV lưu ý HS bài tính giá trị của biểu thức có phép nhân , phép chia (Tính từ trái sang phải)
 - Ý b làm tương tự
 -GV cho HS làm bài vào phiếu học tập
 - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.
 - GV nhận xét, tuyên dương
 * **Chốt cách tính giá trị của biểu thức**

- HS trình bày kết quả, nhận xét.

- HS đọc yêu cầu bài
 - HS làm vào phiếu học tập.
 - HS đọc bài làm của mình
 - HS khác nhận xét

- HS đọc yêu cầu
 - HS làm bài vào vở thực hành.
 - HS đọc bài, HS khác lắng nghe

Bài giải:

Số tiền Nam có là : (hoặc Nam có số tiền là)

$$20000 \times 2 = 40000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền mỗi cuốn vở là :

$$40000 : 8 = 5000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số : 5000 đồng

-HS khác nhận xét

-HS đọc yêu cầu bài

- HS suy nghĩ và nhớ lại cách làm

- HS đọc bài làm của mình

$$a) 36459 : 9 \times 3 = 4051 \times 3$$

$$= 12153$$

$$b) 14105 \times 6 : 5 = 84630 : 5$$

$$= 16926$$

- HS khác nhận xét.

3. Củng cố - Dặn dò (3-5')

? Hôm nay em học được kiến thức gì?

- GV nhận xét tiết học, dặn dò HS.

- HS trả lời.

- HS theo dõi.

* **Điều chỉnh sau bài dạy:**